

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ TÂN CHÂU
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 258/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 26/6/2019
“V/v tranh chấp hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TÂN CHÂU, TỈNH AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Bạch Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Trang;
2. Ông Nguyễn Minh Đức.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Dương, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: không.

Ngày 26 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 194/2019/TLST-HN ngày 10 tháng 5 năm 2019 về “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 226/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Thanh Ng, sinh năm 1987; nơi cư trú: Số nhà 109, tổ 04, ấp PAA, xã PV, thị xã TC, tỉnh AG.

2. Bị đơn: Anh Trần Văn Kh, sinh năm 1987; nơi cư trú: số 222, khóm LQ C, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG.

Chị Ng, có mặt tại phiên tòa; Anh Kh vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Thanh Ng trình bày: Năm 2005, chị Ng và anh Kh tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hay bên chấp nhận tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn. Sau khi kết hôn, chị Ng và anh Kh đi làm ở thành phố HCM. Thời gian đầu, chị Ng và anh Kh chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm sống, chị Ng và anh Kh không có tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Nhận thấy, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nên chị Ng yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Kh.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị Ng và anh Kh không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trần Văn Kh trình bày: Thống nhất về thời gian và điều kiện đi đến chung sống như vợ chồng như chị Ng trình bày. Thời gian đầu, anh Kh và chị Ng sống chung hạnh phúc. Đến đầu năm 2019, anh Kh và chị Ng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, không thể hàn gắn được tình cảm nên anh Kh đồng ý ly hôn với Nguyễn Thị Thanh Ng. Anh Kh và chị Ng không có con chung. Tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tòa án không hòa giải về tình cảm do chị Ng và anh Kh không đăng ký kết hôn;

Tại phiên tòa, chị Ng vẫn giữ nguyên yêu cầu.

Hội đồng xét xử, công bố đơn xin xét xử vắng mặt của anh Trần Văn Kh ngày 17/6/2019.

Đồng thời, công bố Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 230/UBND-XNTTHN ngày 22/8/2016 của UBND phường LP về việc anh Kh chưa đăng ký kết hôn với ai và Đơn xin xác nhận ngày 17/6/2019 về việc Kh và Ng không đăng ký kết hôn tại UBND phường LP, thị xã TC, tỉnh AG (do anh Kh cung cấp cho Tòa án); Đơn xin xác nhận ngày 10/5/2019 về việc chị Ng không đăng ký kết hôn với ai tại UBND xã PV, thị xã TC, tỉnh AG (do chị Ng cung cấp).

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**Về tố tụng:*

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Thanh Ng khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Kh. Anh Kh có nơi cư trú: số nhà 222, khóm LQ C, phường LP, thị xã TC, tỉnh AG. Xét, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tân Châu theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn anh Trần Văn Kh có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử.

[3] Kiểm sát tuân theo pháp luật: Vụ án Tòa án không tiến hành thu thập chứng cứ nên Kiểm sát viên không tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 21 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

** Về nội dung:*

[4] Về quan hệ hôn nhân:

Năm 2005, chị Ng và anh Kh tự tìm hiểu, yêu thương nhau được gia đình hay bên chấp nhận tổ chức lễ cưới và chung sống như vợ chồng, không đăng ký kết hôn. Đến đầu năm 2019, anh Kh và chị Ng xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống về tình cảm, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung.

Theo Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân số 230/UBND-XNTTHN ngày 22/8/2016 của UBND phường LP về việc anh Kh chưa đăng ký kết hôn với ai; Đơn xin xác nhận ngày 17/6/2019 về việc Kh và Ng không đăng ký kết hôn tại UBND phường LP, thị xã TC, tỉnh AG và Đơn xin xác nhận ngày 10/5/2019 về việc chị Ng không đăng ký kết hôn với ai tại UBND xã PV, thị xã TC.

Tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng”*.

Tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định: *“Trong trường hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật này”*.

Chị Ng và anh Kh chung sống với nhau có đủ điều kiện kết hôn nhưng không đăng ký kết hôn. Xét, không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng và anh Trần Văn Kh là vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Trong thời gian chung sống chị Ng và anh Kh đồng thống nhất khai không có con chung, tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập đến.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị Ng đã nộp. Anh Kh không phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, khoản 2 Điều 227 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày

30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Thanh Ng và anh Trần Văn Kh là vợ chồng.

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Thanh Ng phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai số TU/2017/0001907 ngày 10 tháng 5 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tân Châu; Chị Ng đã nộp đủ án phí.

Anh Trần Văn Kh không phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

Thời hạn kháng cáo của chị Ng là 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Riêng thời hạn kháng cáo của anh Kh là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tân Châu (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Hội thẩm nhân dân (2);
- CC.THADS TX. Tân Châu (1);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1),
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thị Bạch Tuyết

